

Số: 1177 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 26 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất
năm 2023 huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khóa 15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện, chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường kiểm tra, thanh tra để xử lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai; Kết luận số 120-KL/TU ngày 08/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tập trung đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Giang: số 30/NQ-HĐND tỉnh ngày 04/10/2022, số 39/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2022, số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023, số 29/NQ-HĐND tỉnh ngày 14/7/2023;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 382/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; số 257/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện Sơn Động;

Theo đề nghị của: UBND huyện Sơn Động tại Tờ trình số 372/TTr-UBND ngày 05/10/2023; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 648/TTr-STNMT ngày 13/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Động theo các Phụ lục kèm theo Quyết định này, gồm: Phụ lục 01. Điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất; Phụ lục 02. Điều chỉnh, bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất; Phụ lục 03. Danh mục các công trình, dự án bổ sung, điều chỉnh tên, diện tích trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Động.

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng được xác định theo bản đồ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Động, tỷ lệ 1/25.000.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo phù hợp quy định pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

b) Cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung được phê duyệt tại Quyết định này vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Động đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 12/4/2023; hoàn thành việc đăng tải toàn bộ hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Động đã được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử của Sở trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định này;

c) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất huyện Sơn Động đảm bảo nguyên tắc kịp thời, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất huyện Sơn Động theo quy định.

2. UBND huyện Sơn Động:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Động;

b) Cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung được phê duyệt tại Quyết định này vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Động đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 12/4/2023; hoàn thành việc đăng tải toàn bộ hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

huyện Sơn Động đã được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử của huyện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định này, đồng thời tổ chức công bố, công khai nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Động theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện quản lý đất, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

d) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND cấp xã;

e) Định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Sơn Động; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (lưu hồ sơ);
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Sơn Động;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Trung tâm thông tin (đăng tải);
- Lưu: VT, TN.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

Phụ lục 02: Điều chỉnh, bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Động
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng cộng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)								
				TT Tây Yên Tử	TT An Châu	Xã Tuấn Đạo	Xã An Bá	Xã An Lạc	Xã Cẩm Đàn	Xã Đại Sơn	Xã Dương Hưu	Xã Giáo Liêm
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(21)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	122,45	7,34	50,72	8,11	4,97	14,12	1,20	3,57	1,04	0,59
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	37,78	3,40	9,68	4,16	1,26	2,16	0,76	2,90	0,66	0,29
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>37,78</i>	<i>3,40</i>	<i>9,68</i>	<i>4,16</i>	<i>1,26</i>	<i>2,16</i>	<i>0,76</i>	<i>2,90</i>	<i>0,66</i>	<i>0,29</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	7,95	0,20	1,37	0,90	0,41	1,40	0,04	0,03	0,38	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	42,28	1,84	30,66	0,95	1,00	1,62	0,40	0,34		0,10
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0,09					0,09				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN										
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	34,34	1,90	9,00	2,10	2,30	8,85		0,30		0,20
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>										
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,01		0,01							
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN										
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp											
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,87	0,37						1,50		

**Phụ lục 03: Danh mục các công trình, dự án bổ sung, điều chỉnh tên, diện tích
trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Động**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Công trình, dự án cần thu hồi đất

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ điều chỉnh KHSDĐ 2023	STT trong ĐCQH 2030
				Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất				Tên văn bản	Vị trí, STT			
					Đất lúa (ha)	Đất RPH, RDD (ha)	Đất khác (ha)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Tổng cộng			119,04	34,98	0,09	83,97						
I	Các dự án khu đô thị, khu dân cư												
1	Xây dựng khu dân cư khu II và khu IV, thị trấn An Châu	ODT		0,15			0,15	TT An Châu	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 02, STT 64	Bổ sung mới	BS-01	22.12
2	Khu dân cư TDP Thượng 1 (Rộc Đình), thị trấn An Châu	ODT		1,90	1,40		0,50	TT An Châu	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 12	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-02	22.11
3	Khu dân cư thôn Linh Phú, xã Tuấn Đạo	ONT		3,50	3,00		0,50	Tuấn Đạo	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 13	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-03	21.1
4	Xây dựng khu dân cư TDP Đoàn Kết (Cạnh ngân hàng, cạnh UBND thị trấn Tây Yên Tử) giai đoạn 1	ODT		1,90	0,84		1,06	TT Tây Yên Tử	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 14	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-04	22.5
5	Dự án xây dựng khu dân cư tập trung thôn Chèo	ONT		2,77	2,60		0,17	Vĩnh An	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 16	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-05	21.24

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ điều chỉnh KHSDĐ 2023	STT trong ĐCQH 2030
				Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất				Tên văn bản	Vị trí, STT			
					Đất lúa (ha)	Đất RPH, RDD (ha)	Đất khác (ha)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
6	Dự án xây dựng khu dân cư Khuân Cầu, xã Đại Sơn	ONT		4,00	2,50		1,50	Đại Sơn	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 17	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-06	21.11
7	Dự án xây dựng khu dân cư tập trung thôn Tân Chung	ONT		4,00	3,70		0,30	Lệ Viễn	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 21	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-07	21.17
II	Các dự án khác												
1	Cụm công nghiệp Thanh Sơn	SKN		46,00	5,00		41,00	TT Tây Yên Tử	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 02, STT 74	Bổ sung mới	BS-09	3.1
2	Đường giao thông từ An Lạc đi Phiên Hương, xã Hữu Sản	DGT		7,80	3,00		4,80	Xã An Lạc, Xã Hữu Sản	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 02, STT 61	Bổ sung mới	BS-10	8,64
3	Công trình đường giao thông đoạn Tuấn Đạo, Sơn Động - Đèo Gia, Lục Ngạn (ĐH.96B) (Điểm đầu đầu nối ĐT 291 thôn Đồng Tâm, đi thôn Đào Tuấn xã Tuấn Đạo, điểm cuối thôn Cống Luộc, xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn)	DGT		3,00			3,00	Xã Tuấn Đạo	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 02, STT 65	Bổ sung mới	BS-11	8.15
4	Công trình xây dựng đường tránh trung tâm xã Dương Hưu	DGT		1,40			1,40	Xã Dương Hưu	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 02, STT 67	Bổ sung mới	BS-12	8.91
5	Công trình đường giao thông đèo đầu QL 279, điểm cuối cầu Kiều	DGT		2,90	1,80		1,10	TT An Châu	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 02, STT 68	Bổ sung mới	BS-13	8.32

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ điều chỉnh KHSDĐ 2023	STT trong ĐCQH 2030
				Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất				Tên văn bản	Vị trí, STT			
					Đất lúa (ha)	Đất RPH, RDD (ha)	Đất khác (ha)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
6	Đường nội thị TDP Thượng đi TDP Hạ, thị trấn An Châu	DGT		1,00	0,80		0,20	TT An Châu	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 02, STT 69	Bổ sung mới	BS-14	8.48
7	Xây dựng cầu thôn Trại Chùa đi Khe Tấu, xã Yên Định	DGT		0,60			0,60	Xã Yên Định	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 02, STT 72	Bổ sung mới	BS-15	8.137
8	Đường bê tông liên xã Tổ dân phố Néo thị trấn Tây Yên Tử đi thôn Gà xã Thanh Luận	DGT		2,50	1,50		1,00	TT Tây Yên Tử, xã Thanh Luận	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 02, STT 73	Bổ sung mới	BS-16	8.132
9	Cải tạo, nâng cấp đường Vĩnh An - Vân Sơn, huyện Sơn Động	DGT		4,40	0,50		3,90	Xã Vĩnh An, xã Vân Sơn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 05, STT 52	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-17	8.1
10	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã An Lạc, huyện Sơn Động	DGT		10,14	0,60	0,09	9,45	Xã An Lạc	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 8	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-18	8.66
11	Cải tạo, nâng cấp đường BT liên xã An Bá - Tuấn Đạo, huyện Sơn Động (điểm đầu: QL31 thôn An Bá, xã An Bá; điểm cuối: Thôn Nghêo, xã Tuấn Đạo)	DGT		4,60	1,30		3,30	An Bá, Tuấn Đạo	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 9	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-19	8.6
12	Cải tạo, nâng cấp đường BT liên xã An Bá - Tuấn Đạo - Thanh Luận, huyện Sơn Động (điểm đầu: Thôn Đồng Tàn, xã An Bá; điểm cuối: TL 293 xã Thanh Luận)	DGT		7,30	1,60		5,70	An Bá, Tuấn Đạo, Thanh Luận	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 10	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-20	8.7

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ điều chỉnh KHSDĐ 2023	STT trong ĐCQH 2030
				Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất				Tên văn bản	Vị trí, STT			
					Đất lúa (ha)	Đất RPH, RDD (ha)	Đất khác (ha)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
13	Cải tạo, nâng cấp đường từ thôn Chung Sơn, xã Lê Viễn đi Tô dân phố Đình, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động	DGT		3,96	1,50		2,46	TT An Châu, Lê Viễn	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 11	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-21	8.2
14	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động	DGT		2,00	0,80		1,20	Giáo Liêm, Cẩm Đàn, Đại Sơn	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 18	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-22	8.107
15	Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Lê Viễn, Đại Sơn, An Lạc, Giáo Liêm, huyện Sơn Động năm 2023-2024	DNL		0,13	0,11		0,02	Lê Viễn, Đại Sơn, An Lạc, Giáo Liêm	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 02, STT 70	Bổ sung mới		14.14
16	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện 35kV huyện Sơn Động, Lục Ngạn theo phương án Đa chia - Đa nối (MDMC)	DNL		0,10	0,09		0,01	Thanh Luận, Long Sơn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 02, STT 71	Bổ sung mới		14.11
17	Công trình mở rộng trường tiểu học TT An Châu	DGD		0,55	0,40		0,15	Vĩnh An	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 02, STT 44	Bổ sung mới	BS-25	12.6
18	Công trình mở rộng trường THCS DT bán trú THCS Dương Hưu	DGD		0,50	0,40		0,10	Dương Hưu	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 19	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-26	12.18
19	Công trình mở rộng trường tiểu học xã Dương Hưu	DGD		0,45	0,17		0,28	Dương Hưu	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 20	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-27	12.19
20	Công trình xây mới trạm y tế xã Hữu Sản	DYT		0,50	0,47		0,03	Hữu Sản	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 14	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-28	11.7

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ điều chỉnh KHSDĐ 2023	STT trong ĐCQH 2030
				Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất				Tên văn bản	Vị trí, STT			
					Đất lúa (ha)	Đất RPH, RDD (ha)	Đất khác (ha)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
21	Mở rộng trụ sở UBND xã Cầm Đàn	TSC		0,50	0,40		0,10	Cầm Đàn	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Biểu 03, STT 7	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-29	23.5
22	Công trình xây dựng Nhà văn hóa thôn Mới	DSH		0,50	0,50			Phúc Sơn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 02, STT 66	Bổ sung mới	BS-30	10.36

2. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ ĐCKH năm 2023	STT trong ĐCQH 2030
				Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất				Tên văn bản	Vị trí, STT			
					Đất lúa (ha)	Đất RPH, RDD (ha)	Đất khác (ha)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Tổng cộng			127,37	37,78	0,09	89,51						
I	Các dự án khu đô thị, khu dân cư												
1	Khu dân cư TDP Thượng 1 (Rộc Đình), TT An Châu	ODT		1,90	1,40		0,50	TT An Châu	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Biểu 03, STT 52	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-02	22.11
2	Khu dân cư thôn Linh Phú, xã Tuấn Đạo	ONT		3,50	3,00		0,50	Tuấn Đạo	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Biểu 03, STT 53	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-03	21.1
3	Xây dựng khu dân cư TDP Đoàn Kết (Cạnh ngân hàng cạnh UBND thị trấn) giai đoạn 1	ODT		1,90	0,84		1,06	TT Tây Yên Tử	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Biểu 03, STT 61	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-04	22.5
4	Dự án xây dựng khu dân cư tập trung thôn Chèo	ONT		2,77	2,60		0,17	Vĩnh An	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022	Biểu 03, STT 547	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-05	21.24
5	Dự án xây dựng khu dân cư Khuân Cầu, xã Đại Sơn	ONT		4,00	2,50		1,50	Đại Sơn	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022	Biểu 03, STT 530	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-06	21.11
6	Dự án xây dựng khu dân cư tập trung thôn Tân Chung	ONT		4,00	3,70		0,30	Lệ Viễn	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022	Biểu 03, STT 546	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-07	21.17

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ ĐCKH năm 2023	STT trong ĐCQH 2030
				Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất				Tên văn bản	Vị trí, STT			
					Đất lúa (ha)	Đất RPH, RDD (ha)	Đất khác (ha)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
II	Các dự án khác												
1	Công trình Trụ sở Công an huyện Sơn Động	CAN		2,12	1,70		0,42	TT An Châu	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	NQ 10: Biểu 04, STT 1	Bổ sung mới	BS-08	2.1
2	Cụm công nghiệp Thanh Sơn	SKN		46,00	5,00		41,00	TT Tây Yên Tử	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 03, STT 56	Bổ sung mới	BS-09	3.1
3	Đường giao thông từ An Lạc đi Phiền Hương, xã Hữu Sản	DGT		7,80	3,00		4,80	An Lạc, Xã Hữu Sản	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 03, STT 49	Bổ sung mới	BS-10	8,64
4	Công trình đường GT điểm đầu QL 279, điểm cuối cầu Kiều	DGT		2,90	1,80		1,10	TT An Châu	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 03, STT 51	Bổ sung mới	BS-13	8.32
5	Đường nội thị TDP Thượng đi TDP Hạ, thị trấn An Châu	DGT		1,00	0,80		0,20	TT An Châu	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 03, STT 52	Bổ sung mới	BS-14	8.48
6	Đường bê tông liên xã Tổ dân phố Néo thị trấn Tây Yên Tử đi thôn Gà xã Thanh Luận	DGT		2,50	1,50		1,00	TT Tây Yên Tử, Thanh Luận	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 03, STT 55	Bổ sung mới	BS-16	8.132
7	Cải tạo. Nâng cấp đường Vĩnh An - Vân Sơn, huyện Sơn Động	DGT		4,40	0,50		3,90	Vĩnh An, Vân Sơn	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Biểu 03, STT 70	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-17	8.1
8	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã An Lạc, huyện Sơn Động	DGT		10,14	0,60	0,09	9,45	An Lạc	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Biểu 03, STT 71	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-18	8.66
9	Cải tạo, nâng cấp đường BT liên xã An Bá - Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	DGT		4,60	1,30		3,30	An Bá, Tuấn Đạo	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND	Biểu 03, STT 73	Điều chỉnh tên, diện	BS-19	8.6

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ ĐCKH năm 2023	STT trong ĐCQH 2030
				Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất				Tên văn bản	Vị trí, STT			
					Đất lúa (ha)	Đất RPH, RDD (ha)	Đất khác (ha)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	(điểm đầu: QL31 thôn An Bá, xã An Bá; điểm cuối: Thôn Nghẽo, xã Tuấn Đạo)								ngày 09/12/2022		tích		
10	Cải tạo, nâng cấp đường BT liên xã An Bá - Tuấn Đạo - Thanh Luận, huyện Sơn Động (điểm đầu: Thôn Đồng Tân, xã An Bá; điểm cuối: TL 293 xã Thanh Luận)	DGT		7,30	1,60		5,70	An Bá, Tuấn Đạo, Thanh Luận	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Biểu 03, STT 74	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-20	8.7
11	Cải tạo, nâng cấp đường từ thôn Chung Sơn, xã Lệ Viễn đi Tô dân phố Đình, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động	DGT		3,96	1,50		2,46	TT An Châu, Lệ Viễn	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Biểu 03, STT 75	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-21	8.2
12	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang	DGT		2,00	0,80		1,20	Giáo Liêm, Cẩm Đàn, Đại Sơn	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022	Biểu 03, STT 256	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-22	8.107
13	Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Lệ Viễn, Đại Sơn, An Lạc, Giáo Liêm huyện Sơn Động năm 2023-2024	DNL		0,13	0,11		0,02	Lệ Viễn, Đại Sơn, An Lạc, Giáo Liêm	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 03, STT 53	Bổ sung mới		14.14
14	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện 35kV huyện Sơn Động, Lục Ngạn theo phương án Đa chia - Đa nối (MDMC)	DNL		0,10	0,09		0,01	Thanh Luận, Long Sơn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 03, STT 54	Bổ sung mới		14.11
15	Công trình mở rộng trường THCS DT bán trú THCS Dương Hưu	DGD		0,50	0,40		0,10	Dương Hưu	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022	Biểu 03, STT 542	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-26	12.18
16	Công trình mở rộng trường tiểu học xã Dương Hưu	DGD		0,45	0,17		0,28	Dương Hưu	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022	Biểu 03, STT 543	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-27	12.19

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ ĐCKH năm 2023	STT trong ĐCQH 2030
				Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất				Tên văn bản	Vị trí, STT			
					Đất lúa (ha)	Đất RPH, RDD (ha)	Đất khác (ha)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
17	Công trình xây mới trạm y tế xã Hữu Sản	DYT		0,50	0,47		0,03	Hữu Sản	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Biểu 03, STT 67	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-28	11.7
18	Mở rộng trụ sở UBND xã Cẩm Đàn	TSC		0,50	0,40		0,10	Cẩm Đàn	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Biểu 03, STT 49	Điều chỉnh tên, diện tích	BS-29	23.5
19	Công trình Xây dựng nhà văn hóa thôn Mới	DSH		0,50	0,50			Phúc Sơn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 03, STT 66	Bổ sung mới	BS-30	10.36
20	Xây dựng nhà máy sản xuất bê tông Tây Yên Tử	SKC		1,90			1,90	TT Tây Yên Tử	Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 17/3/2023		Bổ sung mới	BS-31	5.14
21	Xử lý các trường hợp vi phạm theo Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 trên địa bàn huyện Sơn Động	ONT+ODT		1,00	1,00			Huyện Sơn Động	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	Biểu 04, STT 2	Bổ sung mới		21.26; 22.25
22	Chuyển đất y tế sang đất thương mại dịch vụ (Thanh Sơn cũ)	TMD		0,25			0,25	TT Tây Yên Tử	Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 17/3/2023		Bổ sung mới	BS-33	4.2
23	Quy hoạch xây dựng nhà máy sản xuất vật tư ngành nước (Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp)	SKC		5,00	0,45		4,55	Thanh Luận	Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 17/3/2023		Bổ sung mới	BS-34	5.93
24	Khu vực tái định cư TD9 (Dự án Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử)	ODT		0,185			0,185	TT Tây Yên Tử	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 13/6/2022		Bổ sung mới	BS-35	22.25

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ ĐCKH năm 2023	STT trong ĐCQH 2030
				Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất				Tên văn bản	Vị trí, STT			
					Đất lúa (ha)	Đất RPH, RDD (ha)	Đất khác (ha)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
25	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp Đồng Lác, thôn Ròn	SKC		3,00			3,00	Thanh Luận	Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 17/3/2023		Bổ sung mới	BS-36	5.86
26	Chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân	ONT+ODT		0,58	0,05		0,53	Huyện Sơn Động	Nhu cầu hộ gia đình, cá nhân; xử lý các trường hợp vi phạm theo Chỉ thị số 19-CT/TU		Bổ sung mới		21.26; 22.25